



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

HỘI THẢO TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH

GIA LAI, NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2023



NỘI DUNG TRÌNH BÀY

I

- **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

II

- **ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**



1. Giấy phép môi trường là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được phép xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất kèm theo yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật (Khoản 8 Điều 3 Luật BVMT)

Các loại GPMT thành phần theo quy định trước đây (Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật BVMT):

- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT;
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường;
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi;
- Giấy phép xử lý CTNH;
- Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.



2. Đối tượng phải có giấy phép môi trường (Điều 39 Luật BVMT)

- Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

- DA, cơ sở, Khu sxkddv tập trung hoạt động trước ngày 01/01/2022 có tiêu chí về môi trường như đối tượng phía trên.

- DA đầu tư công khẩn cấp được miễn GP môi trường.

Lưu ý:

- Nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung không thuộc đối tượng cấp phép;

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 1.200 kg/năm trở lên hoặc từ 100 kg/tháng trở lên trong quá trình vận hành thuộc đối tượng cấp phép (Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).



3. Thời hạn của giấy phép môi trường (Khoản 4 Điều 40 Luật BVMT):

- 07 năm đối với cơ sở, dự án đầu tư nhóm I;
- 10 năm đối với đối tượng nhóm II, III;
- Thời hạn của giấy phép môi trường có thể ngắn hơn theo đề nghị của chủ dự án.





4. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường (Điều 41 Luật BVMT)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường:

+ Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

+ Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; **cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.**

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

+ Dự án đầu tư nhóm II quy định tại Điều 39 của Luật này;

+ Dự án đầu tư nhóm III quy định tại Điều 39 của Luật này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

+ Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này **đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ** phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này, **trừ trường hợp của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**



5. Thời điểm cấp giấy phép môi trường (Khoản 2 Điều 42 Luật BVMT)

- Đối tượng ĐTM: Phải có GP trước khi vận hành thử nghiệm;

- Không thuộc ĐTM, phải có GP trước khi được cấp, điều chỉnh giấy phép khác (*Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư xây dựng; Quyết định đầu tư; Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng*).

- Trường hợp đang vận hành thử nghiệm trước ngày 01/01/2022 thì có thể xin cấp phép hoặc tiếp tục vận hành thử nghiệm (*Chú dự án đầu tư không phải vận hành thử nghiệm lại nhưng kết quả hoàn thành việc vận hành thử nghiệm phải được báo cáo, đánh giá trong báo cáo đề xuất cấp GPMT*).

- Cơ sở đang hoạt động trước ngày 01/01/2022 phải có GPMT trong thời hạn 36 tháng;

- GPMT thành phần có thời hạn được SD đến khi hết thời hạn; GPMT không kỳ hạn được SD 05 năm kể từ 01/01/2022;

- GPMT thay QĐ phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM.

(Khoản 2 Điều 171 Luật BVMT: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ, báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và văn bản xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường).



6. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp GPMT (Khoản 1 Điều 43 Luật BVMT; Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP):

- Văn bản đề nghị cấp GPMT (Phụ lục XIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Báo cáo đề xuất cấp GPMT: 5 trường hợp:

+ Báo cáo đề xuất cho dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường **trước khi đi vào vận hành thử nghiệm** (Phụ lục VIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Báo cáo đề xuất cho dự án đầu tư nhóm II **không thuộc** đối tượng phải thực hiện **đánh giá tác động môi trường** (Phụ lục IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Báo cáo đề xuất cho cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp **đang hoạt động** có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (Phụ lục X Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Báo cáo đề xuất cho dự án nhóm III (Phụ lục XI Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Báo cáo đề xuất cho cơ sở **đang hoạt động** có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (Phụ lục XII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Bản sao báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM).



7. Vận hành thử nghiệm sau khi cấp phép (Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

Chủ dự án đầu tư thực hiện quan trắc chất thải như sau:

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Thực hiện quan trắc chất thải theo trong **giai đoạn điều chỉnh** hiệu quả của từng công trình, thiết bị xử lý ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau **giai đoạn điều chỉnh**.

- Đối với các dự án, cơ sở không thuộc trường hợp quy định ở trên: việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của **giai đoạn vận hành ổn định** các công trình xử lý chất thải.

Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường:

- Thành lập đoàn kiểm tra hoặc cử cán bộ, công chức kiểm tra thực tế quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.

- Tiến hành đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải xả ra môi trường. Trường hợp chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải, **xử lý hoặc chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm** theo quy định và yêu cầu chủ dự án đầu tư phải thực hiện các biện pháp khắc phục; tiếp tục tổ chức đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải xả ra môi trường trong quá trình **vận hành thử nghiệm lại** của chủ dự án đầu tư.

Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm: Phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đối với dự án đầu tư trên địa bàn theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép môi trường.



8. Cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại GPMT/ĐKMT (Điều 44 Luật BVMT và Điều 30 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

- Cấp đổi: Thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư.

- Cấp điều chỉnh:

+ Thay đổi nội dung cấp phép theo đề nghị của chủ dự án, cơ sở hoặc theo quy định của pháp luật (*Thay đổi vị trí, phương thức xả nước thải, khí thải; lưu lượng xả thải tối đa; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm; Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; ...*).

+ DA, cơ sở có thực hiện dịch vụ xử lý CTNH hoặc nhập khẩu phế liệu sau khi kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm để phù hợp với năng lực hoạt động thực tế.

- Cấp lại:

+ Giấy phép hết hạn;

+ Tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường (*trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường*).



II. ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

Đăng ký môi trường là việc chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước các nội dung liên quan đến xả chất thải và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là dự án đầu tư, cơ sở) (Khoản 9 Điều 3 Luật BVMT).



1. Đối tượng phải đăng ký môi trường (Khoản 1 Điều 49 Luật BVMT)

- Dự án đầu tư có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường (bao gồm cả dự án thuộc hoặc không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM)

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật BVMT có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.



2. Đối tượng được miễn đăng ký môi trường (Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP):

- Dự án, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Dự án đầu tư khi đi vào vận hành và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương; hoặc phát sinh nước thải dưới 05 m³/ngày, khí thải dưới 50 m³/giờ được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương.

- Danh mục dự án đầu tư, cơ sở được miễn đăng ký môi trường quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này.

1. Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực; các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, dạy nghề, đào tạo kỹ thuật, kỹ năng quản lý, cung cấp thông tin, tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại;
2. Sản xuất, trình chiếu và phát hành chương trình truyền hình; sản xuất phim điện ảnh, phim video; hoạt động truyền hình, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc; 3. Dịch vụ thương mại, buôn bán lưu động, không có địa điểm cố định; 4. Dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng có diện tích xây dựng dưới 200 m²; 5. Dịch vụ ăn uống có diện tích nhà hàng dưới 200 m²; 6. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ gia dụng quy mô cá nhân, hộ gia đình; 7. Dịch vụ photocopy, truy cập internet, trò chơi điện tử; 8. Canh tác trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi quy mô cá nhân, hộ gia đình; 9. Trồng khảo nghiệm các loài thực vật quy mô dưới 01 ha; 10. Xây dựng nhà ở cá nhân, hộ gia đình; 11. Dự án, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa có lưu lượng nước thải dưới 10.000 m³/ngày đêm; 12. Dự án đầu tư, cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau: Không phát sinh khí thải phải xử lý; Không phát sinh nước thải hoặc có phát sinh nước thải nhưng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường; Không phát sinh chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động).



3. Thời điểm đăng ký môi trường (Khoản 6 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường)

- Dự án đầu tư có phát sinh chất thải, thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM phải đăng ký môi trường trước khi vận hành chính thức;
- Dự án đầu tư có phát sinh chất thải, không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM phải đăng ký môi trường trước khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc trước khi xả chất thải ra môi trường đối với trường hợp không phải có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật BVMT có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải phải đăng ký môi trường trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật BVMT có hiệu lực.



4. Đăng ký và tiếp nhận đăng ký môi trường (Khoản 2 Điều 22 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT):

- Chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi hồ sơ đăng ký môi trường đến UBND cấp xã nơi triển khai dự án đầu tư, cơ sở thông qua hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, chủ dự án đầu tư, cơ sở được quyền chọn Ủy ban nhân dân cấp xã để đăng ký môi trường.

(Hồ sơ đăng ký môi trường gồm: Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở theo quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Bản sao Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (nếu có)).

* Tiếp nhận đăng ký môi trường (Điều 23 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT):

- UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi đến bằng hình thức nhận trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc nhận bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- UBND cấp xã cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.



Cảm ơn